

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MINH TRUYỀN

銘傳大學



MING CHUAN UNIVERSITY

Địa chỉ:

Khuôn viên Đài Bắc: [臺北市中山北路五段 250 號](#)

Khuôn viên Đào Viên: [桃園市龜山區大同里德明路 5 號](#)

Khuôn viên Jihe: [臺北市基河路 130 號 3 樓](#)

Khuôn viên Kim Môn: [金門縣金沙鎮德明路 105 號](#)

SĐT:

Khuôn viên Đài Bắc: 02-2882-4564

Khuôn viên Đào Viên: 03-350-7001

Khuôn viên Jihe: 02-2882-4564

Khuôn viên Kim Môn: 082-355-233

1. HỌC VIỆN QUẢN LÝ

- Khoa (viện) kinh doanh quốc tế [國際企業學系/所](#)
- Khoa (viện) quản lý rủi ro - bảo hiểm [風險管理與保險學系/所](#)
- Khoa (viện) kế toán [會計學系/所](#)
- Khoa (viện) quản trị kinh doanh [企業管理學系/所](#)
- Khoa (viện) tài chính [財務金融學系/所](#)

2. HỌC VIỆN THÔNG TIN

- Khoa (viện) quản lý thông tin [資訊管理學系/所](#)
- Khoa (viện) kỹ thuật thông tin truyền thông [資訊傳播工程學系/所](#)
- Khoa (viện) kỹ thuật thông tin [資訊工程學系/所](#)

- Khoa (viện) Kỹ thuật Máy tính và Truyền thông [電腦與通訊工程學系/所](#)
- Khoa (viện) kỹ thuật điện tử [電子工程學系/所](#)

3. HỌC VIỆN TRUYỀN THÔNG

- Khoa phát thanh - truyền hình [廣播電視學系](#)
- Khoa báo chí [新聞學系](#)
- Khoa quảng cáo - tiếp thị chiến lược [廣告暨策略行銷學系](#)
- Khoa (viện) quản lý truyền thông - phương tiện truyền thông mới [新媒體暨傳播管理學系/所](#)

4. HỌC VIỆN PHÁP LUẬT

- Khoa (viện) pháp luật [法律學系/所](#)
- Khoa (viện) luật tài chính [財金法律系/所](#)

5. HỌC VIỆN DU LỊCH

- Khoa (viện) kinh doanh du lịch [觀光事業學系/所](#)
- Khoa quản lý thư giãn - giải trí [休閒遊憩管理學系](#)
- Khoa quản trị khách sạn [餐旅管理學系](#)

6. HỌC VIỆN GIÁO DỤC - NGÔN NGỮ ỨNG DỤNG

- Khoa văn học Trung Quốc ứng dụng [應用中國文學系/所](#)
- Khoa (viện) tiếng Anh ứng dụng [應用英語學系/所](#)
- Khoa (viện) tiếng Nhật ứng dụng [應用日語學系/所](#)
- Trung tâm đào tạo tiếng Anh [英語教學中心](#)
- Ngành giáo dục [教育研究所](#)
- Khoa đào tạo tiếng Hoa [華語文教學學系](#)

7. HỌC VIỆN THIẾT KẾ

- Khoa (viện) thiết kế kinh doanh [商業設計學系/所](#)

- Khoa (viện) thiết kế hàng hóa [商品設計學系/所](#)
- Khoa (viện) thiết kế truyền thông kỹ thuật số [數位媒體設計學系/所](#)
- Khoa (viện) quy hoạch đô thị - phòng chống thiên tai [都市規劃與防災學系/所](#)
- Khoa (viện) kiến trúc [建築學系/所](#)
- Chương trình cử nhân về hoạt hình - thiết kế sáng tạo [動漫文創設計學士學位學程](#)

8. HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

- Khoa (viện) các vấn đề công [公共事務學系/所](#)
- Khoa (viện) tư vấn - tâm lý kinh doanh [諮商與工商心理學系/所](#)
- Khoa (viện) phòng chống tội phạm [犯罪防治學系/所](#)

9. HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ Y TẾ

- Khoa (viện) kỹ thuật sinh học [生物科技學系/所](#)
- Khoa (viện) quản lý - thông tin y tế [醫療資訊與管理學系/所](#)
- Khoa kỹ thuật y sinh [生物醫學工程學系](#)

10. HỌC VIỆN QUỐC TẾ

- Ngành công việc quốc tế [國際事務研究所](#)
- Chương trình cử nhân về công việc quốc tế - ngoại giao [國際事務與外交學士學位學程](#)
- Chương trình cử nhân về kinh doanh - thương mại quốc tế [國際企業與貿易學士學位學程](#)
- Chương trình cử nhân về báo chí - truyền thông đại chúng [新聞與大眾傳播學士學位學程](#)
- Chương trình cử nhân về quản lý cách tân - thời trang [時尚與創新管理學士學位學程](#)
- Chương trình cử nhân về tham quan - du lịch [旅遊與觀光學士學位學程](#)

- Chương trình Cử nhân về Quản lý và Ứng dụng Công nghệ Thông tin [資訊科技應用與管理學士學位學程](#)

11. HỌC VIỆN GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

- Trung tâm giáo dục phổ thông [通識教育中心](#)
- Trung tâm đào tạo giáo viên [師資培育中心](#)
- Phòng giáo dục thể chất [體育室](#)

12. HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

- Khoa (viện) kinh tế - tài chính [經濟與金融學系/所](#)
- Khoa (viện) thống kê ứng dụng - khoa học dữ liệu [應用統計與資料科學學系/所](#)
- Chương trình cử nhân/thạc sĩ về công nghệ tài chính ứng dụng [金融科技應用學士/碩士學位學程](#)

13. TRUNG TÂM CÁC CẤP

- Trung tâm đào tạo tiếng Anh [英語教學中心](#)
- Trung tâm giáo dục phổ thông [通識教育中心](#)
- Trung tâm đào tạo giáo viên [師資培育中心](#)
- Trung tâm đào tạo tiếng Hoa [華語訓練中心](#)